

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 31/NQ-HĐND
ngày 10/12/2022 về kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương
trình mục tiêu quốc gia năm 2023; số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về điều
chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
102/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 như sau:

1. Điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước năm 2023

1.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)

a) Giảm 19.554 triệu đồng của 07 dự án, nhiệm vụ, trong đó:

- Giảm 3.296 triệu đồng của 01 dự án hoàn thành trước 31/12/2022;

- Giảm 6.515 triệu đồng của 02 dự án chuyển tiếp.

- Giảm 8.068 triệu đồng của 02 nhiệm vụ hỗ trợ các chương trình, chính sách khác (hỗ trợ dự án Tuyên cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; các chính sách đầu tư).

- Giảm 350 triệu đồng của 01 dự án chuẩn bị đầu tư.

- Giảm 1.325 triệu đồng của nhiệm vụ thanh toán dự án quyết toán còn thiếu dưới 300 triệu đồng.

b) Tăng 19.554 triệu đồng của 10 dự án, nhiệm vụ, trong đó:

+ Tăng 2.420 triệu đồng cho 03 dự án hoàn thành trước 31/12/2022.

- + Tăng 11.166 triệu đồng cho 04 dự án chuyển tiếp.
- + Tăng 1.068 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới.
- + Tăng 4.900 triệu đồng cho nhiệm vụ hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Hồ chứa nước Bản Lải.

(Chi tiết tại Biểu 1 kèm theo Quyết định này).

1.2. Vốn ngân sách trung ương trong nước

- Giảm 33.200 triệu đồng của 03 dự án, trong đó:
 - + Giảm 2.500 triệu đồng của 01 dự án chuyển tiếp;
 - + Giảm 30.700 triệu đồng của 02 dự án khởi công mới.
- Tăng 33.200 triệu đồng của 01 dự án chuyển tiếp.

(Chi tiết tại Biểu 2 kèm theo Quyết định này).

2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh: số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về việc giao chi tiết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; số 806/QĐ-UBND ngày 27/5/2023 về việc điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; số 1203/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; số 1555/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 về điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các chủ đầu tư công trình, dự án khẩn trương tổ chức thực hiện kế hoạch vốn được giao bổ sung đảm bảo hoàn thành giải ngân trong năm kế hoạch 2023 theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục và kiểm soát, cấp phát, thanh toán vốn theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(VAT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Tiến Thiệu

BIỂU 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 1857/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023)				Trong đó, đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021, 2022				Kế hoạch đầu tư năm 2023				Giải ngân đến hết ngày 03/11/2023	Khả năng giải ngân vốn năm 2023 đến hết 31/01/2024 theo báo cáo của chủ đầu tư	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023		Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh				Chi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó, đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021, 2022		Kế hoạch đầu tư năm 2023		Giảm	Tăng	Trong đó: ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước													
																										Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		17			6.497.972	1.861.497	1.284.975	1.214.639	46.549	276.374	240.055	46.549	210.487	200.087	-	-	128.868	200.087	19.554	19.554	210.487	200.087	-	-					
A.1	ĐIỀU CHỈNH GIÁM		7			5.896.143	1.314.498	872.084	872.084	-	96.943	96.943	-	78.744	78.744	-	-	26.088	59.190	19.554	-	59.190	59.190	-	-					
VIII	Giao thông		3			395.143	313.498	253.084	253.084	-	78.251	78.251	-	67.269	67.269			25.413	57.458	9.811	-	57.458	57.458							
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		1			162.845	114.230	52.136	52.136	-	41.440	41.440	-	12.400	12.400			3.275	9.104	3.296	-	9.104	9.104							
1	Đường liên xã Hồng Phong - Quang Trung (Xã Nát - Pắc Giã) huyện Bình Gia	Bình Gia	13,8km	2016-2024	1971 ngày 30/10/2015; 752 ngày 23/4/2019; 39/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; 1821/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	162.845	114.230	52.136	52.136	-	41.440	41.440	-	12.400	12.400			3.275	9.104	3.296		9.104	9.104			Vướng ngại phòng mặt bằng, đã điều chỉnh dự án đến 2024	UBND huyện Bình Gia			
(2)	Dự án chuyển tiếp		2			232.298	199.268	200.948	200.948	-	36.811	36.811	-	54.869	54.869			22.138	48.354	6.515	-	48.354	48.354							
1	Đường nội thị trấn Bình Gia	Bình Gia	1,8 km	2014-2024	1579 ngày 08/10/2014; 2414 ngày 15/12/2017; 173 ngày 24/1/2019; 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; 1824/QĐ-UBND 08/11/2023	68.030	35.000	36.880	36.880	-	16.811	16.811	-	20.069	20.069			15.000	18.069	2.000		18.069	18.069			Vướng ngại phòng mặt bằng, đã điều chỉnh dự án đến 2024	UBND huyện Bình Gia			
2	Xây dựng mới tuyến liên xã từ trung tâm thị trấn Chi Lăng vào xã Y Tịch, huyện Chi Lăng	Chi Lăng		2021-2024	1169/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	164.268	164.268	164.068	164.068	-	20.000	20.000	-	34.800	34.800			7.138	30.285	4.515		30.285	30.285			Dang vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng	Sở Giao thông vận tải			
XVI	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác		2			5.485.000	985.000	600.000	600.000	-	9.022	9.022	-	9.125	9.125	-	-	-	1.057	8.068	-	1.057	1.057	-	-		0			
1	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	tỉnh Lạng Sơn			41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	5.000.000	500.000	500.000	500.000	-	-	-	-	4.125	4.125			-	1.057	3.068		1.057	1.057			Điều chỉnh tên sau khi tách dự án so với Kế hoạch trung hạn (tên gọi cũ: Hỗ trợ dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (TP2) theo hình thức BOT)				
-	Hạng mục thẩm tra báo cáo nghiên cứu nghiên cứu khả thi					1.057	1.057	1.057	1.057					1.057	1.057							1.057	1.057				Sơ Kế hoạch và Đầu tư			
-	Các hạng mục khác					4.998.943	498.943	498.943	498.943					3.068	3.068			-	3.068			-	-			Giảm phân bổ do vướng mắc thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tỉnh địa điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền			
2	Các chính sách hỗ trợ đầu tư	toàn tỉnh		2021-2025		485.000	485.000	100.000	100.000	-	9.022	9.022	-	5.000	5.000			-	5.000			-	-			Không phát sinh hồ sơ trong năm	Sơ Kế hoạch và Đầu tư			
XXII	Chuẩn bị đầu tư		1			11.000	11.000	11.000	11.000	-	7.351	7.351	-	350	350			-	350			-	-							
1	Trụ sở Ban Quản lý rừng đặc dụng Mẫu Sơn			2025-2027	2116 /QĐ-UBND ngày 26/01/2021	14.998	14.998	4.998	4.998					350	350			-	350			-	-			Chậm hoàn thiện thủ tục chuẩn bị dự án	Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
XXIII	Thanh toán Dự án quyết toán còn thiếu dưới 300 triệu		1			5.000	5.000	8.000	8.000	-	2.319	2.319	-	2.000	2.000			675	675	1.325		675	675			Đã bao gồm 34 trữ dự án Đường cứu hộ, cứu nạn Đoàn Lăng Vải-Bình Đô-Tân Minh, huyện Tràng Định thuộc danh mục tài Nghị quyết số 15/NQ-HĐND (chưa công lên báo).	Sơ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu thực hiện			
A.2	ĐIỀU CHỈNH TĂNG		10			601.829	546.999	412.891	342.555	46.549	179.431	143.112	46.549	131.743	121.343	-	-	102.780	140.897	-	19.554	151.297	140.897	-	-					
I	Quốc phòng an ninh		1			142.781	87.951	81.631	59.001	-	19.800	15.000	-	35.000	35.000	-	-	30.166	37.000	-	2.000	37.000	37.000	-	-					
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		1			142.781	87.951	81.631	59.001	-	19.800	15.000	-	35.000	35.000	-	-	30.166	37.000	-	2.000	37.000	37.000	-	-					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023)			Trong đó, đã bỏ trị kế hoạch vốn các năm 2021, 2022			Kế hoạch đầu tư năm 2023			Giải ngân đến hết ngày 03/11/2023	Khả năng giải ngân vốn năm 2023 đến hết 31/01/2024 theo báo cáo của chủ đầu tư	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023		Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương				Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSDP)		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh (đóng mức 286,937 tỷ, ngân sách tỉnh 142,781 tỷ)	thành phố Lạng Sơn		2019-2022	3863/QĐ-BCA-H41 ngày 26/10/2017	142.781	87.951	81.631	59.001	-	19.800	15.000	-	35.000	35.000	30.166	37.000	2.000	37.000	37.000			Bổ sung theo khối lượng dự kiến thực hiện trong 2 tháng cuối năm	Công an tỉnh Lạng Sơn		
II	Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp		2			45.577	45.577	45.577	43.227	-	7.200	7.000	-	16.000	16.000	11.191	19.068	-	3.068	19.068	19.068					
(2)	Dự án chuyển tiếp		1			36.267	36.267	36.267	33.917	-	7.200	7.000	-	11.000	11.000	8.191	13.000	-	2.000	13.000	13.000					
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh	thành phố Lạng Sơn	3 tầng, diện tích sàn 1.166m2	2022-2024	1180/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	36.267	36.267	36.267	33.917	-	7.200	7.000	-	11.000	11.000	8.191	13.000	2.000	13.000	13.000			Bổ sung theo khối lượng dự kiến thực hiện trong 2 tháng cuối năm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
(3)	Dự án Khởi công mới 2023		1			9.310	9.310	9.310	9.310	-	-	-	-	5.000	5.000	3.000	6.068	-	1.068	6.068	6.068					
1	Cải tạo, sửa chữa Trường trung học phổ thông Hữu Lũng		Xây dựng mới khối nhà 3 tầng, cải tạo nhà đã nâng	2023-2025	1046/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	9.310	9.310	9.310	9.310	-	-	-	-	5.000	5.000	3.000	6.068	1.068	6.068	6.068			Bổ sung theo khối lượng dự kiến thực hiện trong 2 tháng cuối năm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
III	Y tế		1			23.000	23.000	23.000	23.000	-	5.200	5.000	-	6.500	6.500	6.500	11.500	-	5.000	11.500	11.500					
(2)	Dự án chuyển tiếp		1			23.000	23.000	23.000	23.000	-	5.200	5.000	-	6.500	6.500	6.500	11.500	-	5.000	11.500	11.500					
1	Dự án đầu tư xây dựng khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa	thành phố Lạng Sơn	03 tầng, 83 giường bệnh	2022-2024	1584/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	23.000	23.000	23.000	23.000	-	5.200	5.000	-	6.500	6.500	6.500	11.500	5.000	11.500	11.500			Bổ sung khối lượng hoàn thành năm 2023 theo đề xuất của chủ đầu tư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1			85.304	85.304	36.530	36.530	-	22.100	22.100	-	3.000	3.000	3.000	3.295	-	295	3.295	3.295					
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		1			85.304	85.304	36.530	36.530	-	22.100	22.100	-	3.000	3.000	3.000	3.295	-	295	3.295	3.295					
1	Đi dân lập bản mới giáp biên Nà Khoang, xã Tam Giã, huyện Lộc Bình	Lộc Bình	15ha, 22 hộ	2016-2022	461 ngày 30/3/2016; 2400 ngày 23/11/2018	85.304	85.304	36.530	36.530	-	22.100	22.100	-	3.000	3.000	3.000	3.295	295	3.295	3.295			Dự án hoàn thành, nhu cầu giám sát với tổng mức đầu tư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
V	Giáo dục		3			66.811	66.811	62.615	62.615	-	31.280	30.830	-	23.204	23.204	21.616	26.134	-	2.930	26.134	26.134					
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		1			9.543	9.543	5.347	5.347	-	4.000	4.000	-	284	284	284	409	-	125	409	409					
1	Đường ô tô đến trung tâm xã Tân Hòa huyện Bình Gia	Bình Gia		2014	1477/QĐ-UBND ngày 19/9/2014	9.543	9.543	5.347	5.347	-	4.000	4.000	-	284	284	284	409	125	409	409			Bổ sung do nộp trả ngân sách nhà nước: 125 triệu đồng, giảm kế hoạch vốn năm 2018	UBND huyện Bình Gia		
(2)	Dự án chuyển tiếp		2			57.268	57.268	57.268	57.268	-	27.280	26.830	-	22.920	22.920	21.332	25.725	-	2.805	25.725	25.725					
1	Cải tạo, sửa chữa đường tỉnh ĐT.245 (Hoà Thăng - Phố Vi - Hoà Sơn - Hoà Lạc) đoạn từ Km0 đến Km11+200.	Hữu Lũng	11,2Km (tro bay+xi măng; láng nhựa)	2022-2024	2257/QĐ-UBND ngày 17/11/2021;	12.200	12.200	12.200	12.200	-	8.200	8.000	-	2.000	2.000	2.000	3.805	1.805	3.805	3.805			Đã quyết toán, bỏ trị dư vốn trong năm 2023	Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông		
2	Cải tạo, sửa chữa đường tỉnh ĐT.246 (Bình Xá - Bắc Xá) đoạn từ Km19 đến Km43.	Đình Lập	Cải tạo, sửa chữa 23,3km	2022-2024	1148/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; 2028/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	45.068	45.068	45.068	45.068	-	19.080	18.830	-	20.920	20.920	19.332	21.920	1.000	21.920	21.920			Dự án có tiến độ tốt, bổ sung thanh toán khối lượng	Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông		
VI	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác		1			193.000	193.000	118.182	93.182	46.549	88.182	63.182	46.549	14.000	14.000	-	-	11.197	18.900	18.900	18.900			0		
1	GPMB dự án Hồ chứa nước Bản Lái	Lộc Bình, Đình Lập			5042/QĐ-BNN-XD ngày 30/12/2019	193.000	193.000	118.182	93.182	46.549	88.182	63.182	46.549	14.000	14.000	11.197	18.900	4.900	18.900	18.900			Bổ sung vốn thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
VII	Dự án sử dụng 02 nguồn vốn (cần đối ngân sách địa phương và thu sử dụng đất)		1			45.356	45.356	45.356	25.000	-	5.669	-	-	34.039	23.639	-	-	1.361	35.400	25.000	-	-				
*	Dự án bổ sung nguồn cần đối ngân sách địa phương thực hiện		1			45.356	45.356	45.356	25.000	-	5.669	-	-	34.039	23.639	-	-	1.361	35.400	25.000	-	-				
(2)	Dự án chuyển tiếp		1			45.356	45.356	45.356	25.000	-	5.669	-	-	34.039	23.639	-	-	1.361	35.400	25.000	-	-				
1	CTSC đường Khuổi Khin - Bản Chát (ĐT237), đoạn từ K14+320 đến Km32	Đình Lập		2022-2024	2199/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 1447/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	45.356	45.356	45.356	25.000	-	5.669	-	-	34.039	23.639	19.110	25.000	1.361	35.400	25.000			Dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện nông thôn mới, bổ sung đủ tổng mức đầu tư thực hiện năm 2023 theo đề xuất của chủ đầu tư	Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông		

BIỂU 3

ĐIỀU HÒA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC (DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN) NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1857/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến				Kế hoạch đầu tư năm 2023				Giải ngân đến ngày 03/11/2023	Khả năng giải ngân vốn 2023 đến hết 31/01/2024 theo báo cáo của chủ đầu tư	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách trung ương (NSTW)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:				
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước							Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ xây dựng cơ bản
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
	TỔNG SỐ		5			770.231	729.319	697.999	698.299	697.999	82.400	282.400	153.066	153.066	-	-	65.729	89.866	33.200	33.200	153.066	153.066	-	-			
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM		4			580.019	579.119	554.799	555.099	554.799	2.400	202.400	123.066	123.066	-	-	56.057	89.866	33.200	-	89.866	89.866	-	-			
I	Ngành/Lĩnh vực Khu công nghiệp và Khu Kinh tế		1			80.100	80.000	55.688	55.788	55.688	-	-	30.000	30.000	-	-	18.726	20.000	10.000	-	20.000	20.000	-	-			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		1			80.100	80.000	55.688	55.788	55.688	-	-	30.000	30.000	-	-	18.726	20.000	10.000	-	20.000	20.000	-	-			
1	Dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị	Huyện Cao Lộc	400m đường 54m	2023-2025	39/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	80.100	80.000	55.688	55.788	55.688			30.000	30.000			18.726	20.000	10.000		20.000	20.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Giám theo khối lượng ước thực hiện thực tế	
II	Ngành/Lĩnh vực Giao thông		1			299.719	299.119	299.111	299.111	299.111	-	200.000	43.066	43.066	-	-	35.427	40.566	2.500	-	40.566	40.566	-	-			
*	Danh mục dự án khác		1			299.719	299.119	299.111	299.111	299.111	-	200.000	43.066	43.066	-	-	35.427	40.566	2.500	-	40.566	40.566	-	-			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1			299.719	299.119	299.111	299.111	299.111	-	200.000	43.066	43.066	-	-	35.427	40.566	2.500	-	40.566	40.566	-	-			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (DH.28), huyện Cao Lộc	Huyện Cao Lộc	25,532 km cấp IV miền núi	2021-2024	789/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	299.719	299.119	299.111	299.111	299.111			43.066	43.066			35.427	40.566	2.500		40.566	40.566			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Vướng giải phóng mặt bằng, giám theo khối lượng ước thực hiện thực tế	
III	Ngành/Lĩnh vực Công nghệ thông tin		2			200.200	200.000	200.000	200.200	200.000	2.400	2.400	50.000	50.000	-	-	1.904	29.300	20.700	-	29.300	29.300	-	-			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1			200.200	200.000	200.000	200.200	200.000	2.400	2.400	50.000	50.000	-	-	1.904	29.300	20.700	-	29.300	29.300	-	-			
1	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	tỉnh Lạng Sơn	xây dựng hạ tầng số và nền tảng số dùng chung của tỉnh	2023-2024	38/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 ; 1690/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	200.200	200.000	200.000	200.200	200.000	2.400	2.400	50.000	50.000			1.904	29.300	20.700		29.300	29.300			Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án vướng mắc tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến giải ngân tạm ứng hợp đồng đo đạc chuyển các dự án khác cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG		1			190.212	150.200	143.200	143.200	143.200	80.000	80.000	30.000	30.000	-	-	9.672	-	-	33.200	63.200	63.200	-	-			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến				Kế hoạch đầu tư năm 2023				Giải ngân đến ngày 03/11/2023	Khả năng giải ngân vốn 2023 đến hết 31/01/2024 theo báo cáo của chủ đầu tư	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư năm 2023 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú							
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách trung ương (NSTW)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Trong đó:			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	
																								Thu hồi các khoản vốn ứng trước									Thanh toán nợ xây dựng cơ bản
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27							
I	Ngành/Lĩnh vực Giao thông		1			190.212	150.200	143.200	143.200	143.200	80.000	80.000	30.000	30.000	-	-	9.672	-	-	33.200	63.200	63.200	-	-									
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1			190.212	150.200	143.200	143.200	143.200	80.000	80.000	30.000	30.000	-	-	9.672	-	-	33.200	63.200	63.200	-	-									
1	Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Trảng Các	Huyện Cao Lộc	20,1 Km	2015-2024	2263/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 1442/QĐ-UBND ngày 20/7/2021; 2256/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	190.212	150.200	143.200	143.200	143.200	80.000	80.000	30.000	30.000			9.672			33.200	63.200	63.200			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Dự án hết thời gian bố trí vốn, bổ sung theo tổng mức đầu tư để đẩy nhanh tiến độ trong năm 2023							